



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1177/QĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: Hệ thống thông tin quản lý

Tiếng Anh: Management Information System

I.2. Tên ngành: Hệ thống thông tin quản lý

Mã số: 52480201

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy.

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng.

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 140 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý: Khoa Kinh tế

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Ngành Hệ thống thông tin quản lý hướng đến việc đào tạo các cử nhân có khả năng xây dựng các quy trình quản trị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp, quản trị mạng máy tính trong tổ chức, doanh nghiệp và triển khai các giải pháp tin học phục vụ cho hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh, thương mại điện tử của doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1. Mục tiêu chung:

Chương trình giáo dục đại học Hệ thống thông tin quản lý cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết về công nghệ thông tin và kinh tế nhằm đạt được thành công trong công việc liên quan đến việc vận dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, quản trị mọi chức năng hoạt động của tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp.

II.2. Mục tiêu cụ thể:

1. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ.

2. Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và công nghệ thông tin để vận dụng vào lĩnh vực thiết kế, vận hành hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức, doanh nghiệp.

3. Có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý và công nghệ thông tin: Kế toán tài chính, Hệ thống thông tin kế toán, Tài chính doanh nghiệp, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử và giải thuật, Thiết kế Web phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Mạng máy tính và bảo mật...

4. Có các kỹ năng cơ bản về tổ chức triển khai và phát triển các ứng dụng tin học cho hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp như: tham mưu tư vấn các giải pháp tin học hóa, triển khai các hệ thống thông tin quản lý cho đơn vị.

5. Có các kỹ năng mềm như: khả năng tự học, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và với cộng đồng, sử dụng công nghệ thông tin và trình độ tiếng Anh đạt quy định của Trường Đại học Nha Trang

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

A1. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm công dân,

A2. Có hiểu biết cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội

A3. Có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ;

A4. Có đủ sức khỏe để làm việc.

B. Kiến thức

B1. Hiểu các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

B2. Hiểu và vận dụng kiến thức toán, quản lý, quản trị kinh doanh và công nghệ thông tin vào các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo

B3. Trình độ ngoại ngữ đạt tối thiểu một trong các ngôn ngữ sau:

Theo quy định chung của Nhà trường

B4. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn sau:

B4.1 Những nguyên lý của kinh tế học và thống kê. kế toán;

B4.2 Quản trị kinh doanh và các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

B4.3 Quản trị mạng và quản trị hệ thống thông tin trong tổ chức và doanh nghiệp;

B4.4 Thương mại điện tử và thiết kế Web phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

C. Kỹ năng

C1. Kỹ năng nghề nghiệp:

C1.1 Xây dựng các quy trình quản trị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp

C1.2 Quản trị mạng máy tính trong tổ chức, doanh nghiệp;

C1.3 Triển khai các giải pháp tin học phục vụ cho hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh, thương mại điện tử của doanh nghiệp;

C2. Kỹ năng mềm:

C2.1. Làm việc độc lập theo nhóm và với cộng đồng;

C2.2 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn;

C2.3 Phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên quản lý phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý trong các cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp;
- Chuyên viên quản trị mạng máy tính trong tổ chức, doanh nghiệp;
- Chuyên viên tổ chức, thực hiện, phát triển thương mại điện tử cho doanh nghiệp;

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	54	38.57	42	77.78	12	22.22
1. Khoa học xã hội và nhân văn	22	15.71	14	63.64	8	36.36
2. Toán, khoa học tự nhiên và môi trường	13	9.29	11	84.62	2	15.38
3. Ngoại ngữ	8	5.71	8	100	-	-
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	11	7.86	9	81.82	2	18.18
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86	61.43	76	88.37	10	11.63
1. Kiến thức cơ sở ngành	41	29.29	37	90.24	4	9.76
2. Kiến thức ngành	45	32.14	39	86.67	6	13.33
Tổng cộng	140	100.00	118	84.29	22	15.71

IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bố theo tiết				Thực hành	Học phần tiên quyết (*)	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lên lớp						
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		54							
I	KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	22							

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo tiết				Thực hành	Học phần tiên quyết (*)	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lên lớp						
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I.1	Các học phần bắt buộc	14							
1	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	30					A1, A2, B1	
2	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	45					A1, A2, B1	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				1, 2	A1, A2, B1	
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	45				1, 2	A1, A2, B1	
5	Pháp luật đại cương	2	30					A1, A2, B2	
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	30					C1, C2	
I.2	Các học phần tự chọn	8							
7	Tâm lý học đại cương	2	30					C1, C2	
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					C1, C2	
9	Lịch sử văn minh thế giới	2	30					C1, C2	
10	Logic học đại cương	2	30					C1, C2	
11	Nhập môn hành chính nhà nước	2	30					C1, C2	
12	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30					C1, C2	
13	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	30					C1, C2	
14	Nhập môn quản trị học	2	30					A2, B2, B5.1	
II	TOÁN, KHOA HỌC TỰ NHIÊN- MÔI TRƯỜNG	13							
II.1	Các học phần bắt buộc	11							
15	Đại số tuyến tính	2	30					B2	
16	Giải tích	3	45					B2	
17	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45					B2	
18	Tin học cơ sở	2	30					B2,C1.1,C2.5	
19	Thực hành Tin học cơ sở	1				15	18	B2,C1.1,C2.5	
II.2	Các học phần tự chọn	2							
20	Con người và môi trường	2	30					A2	
21	Biến đổi khí hậu	2	30					A2	
III.	NGOẠI NGỮ	8							
22	Ngoại ngữ 1	4	60					B3	
23	Ngoại ngữ 2	4	60				23	B3	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bố theo tiết				Thực hành	Học phần tiên quyết (*)	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lên lớp						
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
IV.	GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG AN NINH	11							
IV.1	Các học phần bắt buộc	9							
24	Điền kinh	1				15		A4	
25	Đường lối quân sự của ĐCS Việt Nam	3	45					A1	
26	Công tác quốc phòng - an ninh	2	30					A1	
27	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và CKC	3				45		A1	
IV.2	Các học phần tự chọn	2							
28	Bóng đá	1				15		A4	
29	Bóng chuyền	1				15		A4	
30	Cầu lông	1				15		A4	
31	Võ thuật	1				15		A4	
32	Bơi lội	1				15		A4	
	B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	86							
I	Kiến thức cơ sở	41							
I.1	Các học phần bắt buộc	37							
33	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30					C2.1, C2.2, C2.3	
34	Kinh tế vi mô	3	45					A2, B2, B5.1	
35	Kinh tế vĩ mô	3	45					A2, B2, B5.1	
36	Quản trị doanh nghiệp	3	45				34, 35	A2, B2, B5.1, B5.2	
37	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	30			15	18	B2, B5.3	
38	Hệ thống thông tin quản lý	3	45				18, 52, 58	B2, B5.3, C1.3	
39	Marketing căn bản	2	30				34, 35	A2, B2, B5.1	
40	Nguyên lý kế toán	3	45					A2, B2, B5.1	
41	Nhập môn lập trình	3	45			15	18	B2, B5.3, C1.3	
42	Lập trình hướng đối tượng	3	30			15	41	B2, B5.3, C1.3	
43	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30			15	41	B2, B5.3, C1.3	
44	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	15			15	18	B5.3, B5.4, C1.1, C1.3	
46	Quản lý dự án bằng	2	15			15		B5.3, C1.1,	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo tiết				Thực hành	Học phần tiên quyết (*)	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lên lớp						
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
	Microsoft Project							C1.3	
45	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30					A2, B2, B5.1	
I.2	Các học phần tự chọn	4							
46	Kinh tế lượng	2	30					A2, B2, B5.1	
47	Thị trường chứng khoán	2	30					A2, B2, B5.1	
48	Công nghệ XML và ứng dụng	2	30			15		B2, B5.3, C1.3	
II	Kiến thức ngành	45							
II.1	Các học phần bắt buộc	29							
49	Toán kinh tế	2	30					B2	
50	Tài chính doanh nghiệp	3	45					A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1	
51	Quản lý dự án phần mềm	3	30			15	46, 57	B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3	
52	Cơ sở dữ liệu	3	45				43	B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3	
53	Thiết kế Web kinh doanh	3	30			15		B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3	
54	Mạng máy tính và bảo mật	3	30			15	18, 37	B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.2, C1.3	
55	Kế toán tài chính	3	45				50	A2, B2, B5.1	
56	Marketing điện tử	3	45				39	A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	
57	Phân tích thiết kế Hệ thống thông tin	3	30			15	58	B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3	
58	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	30			15	52	B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3	
II.2	Các học phần tự chọn	6							
59	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	45					A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	
60	Hệ thống thông tin kế toán	3	45			15	55	A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	
61	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	45				50	A2, B2, B5.1, B5.2,	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo tiết				Thực hành	Học phần tiên quyết (*)	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lên lớp						
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
								C1.1, C1.3	
62	Khai thác thông tin kinh doanh (Business Intelligence)	3	45				45	A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	
63	Quản trị sản xuất	3	45					A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	
64	Đạo đức kinh doanh	3	45					A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	10							
65	Công nghệ web và dịch vụ trực tuyến	3	45				53	B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3	
66	Dự báo kinh tế và kinh doanh	3	45				45,	A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	
67	Thực tập nghề nghiệp (8 tuần)	4	60					B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3, A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3	

TỔ CẤP NHẬP

[Signature]
Hỗ Thủy Tiên

TRƯỜNG KHOA/ VIỆN

[Signature]
Hỗ Thủy Tiên

PHÒNG ĐÀO TẠO

[Signature]
Trần Doãn Hùng

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]
Trang Sĩ Trung

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo tiết			Thực hành	Học phần tiên quyết (*)	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lên lớp					
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
							C1.1, C1.3	
62	Khai thác thông tin kinh doanh (Business Intelligence)	3	45				45	A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3
63	Quản trị sản xuất	3	45					A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3
64	Đạo đức kinh doanh	3	45					A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	10						
65	Công nghệ web và dịch vụ trực tuyến	3	45				53	B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3
66	Dự báo kinh tế và kinh doanh	3	45				45,	A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3
67	Thực tập nghề nghiệp (8 tuần)	4	60					B2, B5.3, B5.4, C1.1, C1.3, A2, B2, B5.1, B5.2, C1.1, C1.3

TỔ CẤP NHẬT

Handwritten signature
Handwritten signature

PHÒNG ĐÀO TẠO

Handwritten signature
Trần Doãn Hùng

TRƯỜNG KHOA/ VIỆN

Handwritten signature
Handwritten signature

HIỆU TRƯỞNG

Handwritten signature